

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2023

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Cải

Ông Nguyễn Quang Khải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Và Thị Đ**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Ly Pá C** (tên gọi khác: Ly A G), sinh năm: 1978. Nơi ĐKTT: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Thôn C, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Và Thị Đ và ông Ly Pá C sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến ngày 12/9/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Na Ủ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ngày 28/11/2015, ông Ly Pá C bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 23/9/2016 Ly Pá C bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt TỬ HÌNH (theo bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HSST). Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Ly Thị G, sinh ngày 01/01/2000; cháu Ly A M, sinh ngày 08/3/2003; cháu Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012. Mặc dù các cháu đều sinh ra trước khi bà Đ và ông C đăng ký kết hôn nhưng đều là con chung của hai vợ chồng. Đối với cháu Ly Thị G, sinh ngày 01/01/2000 và cháu Ly A M, sinh ngày 08/3/2003, hiện đã đủ 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012, hiện cháu đang ở với bà Đ, bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn. Vì, ông C đang chờ thi hành bản án với mức hình phạt là tử hình nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn. Bà Đ làm nông nghiệp có thu nhập đủ nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ly Pá C trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Tại Biên bản từ chối nhận văn bản tố tụng ngày 06/4/2023 có xác nhận của Trại tạm giam thì ông C thể hiện quan điểm là không nhất trí ly hôn, nhưng không nêu lý do. Ngoài ra ông C không có ý kiến nào khác.

Nguyện vọng của cháu Ly Gi S: Nếu bố, mẹ ly hôn cháu Sơn có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Và Thị Đ được ly hôn với ông Ly Pá C.

- Về con chung: Giao con chung Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012 cho bà Và Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà Đ và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Đ là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn cho bà Đ tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn ông Ly Pá C trước khi bị bắt có nơi đăng ký thường trú tại: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về: “Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ như Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và tham gia phiên tòa.

Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Ly Pá C: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông C vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và Thị Đ và ông Ly Pá C có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na U, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2013, ngày 12/9/2013) nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến ngày 28/11/2015, ông Ly Pá C bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 23/9/2016 Ly Pá C bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt Tù hình (theo bản án hình sự sơ thẩm số 44/2016/HSST) và đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.” Như vậy, ông C vi phạm pháp luật và bị Tòa án tuyên hình phạt là tù hình nên không thực hiện được nghĩa vụ của người chồng đó là thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ vợ; cùng vợ chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đặc biệt là không thực hiện được nghĩa vụ sống chung với bà Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà V và Thị Đ được ly hôn với ông Ly Pá C.

[3.2] Về con chung: Bà Đ và ông C có ba người con chung là Ly Thị G, sinh ngày 01/01/2000; cháu Ly A M, sinh ngày 08/3/2003; cháu Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012. Mặc dù ba người con đều được sinh ra trước khi bà Đ và ông C đăng ký kết hôn nhưng căn cứ Giấy khai sinh thì ba người con đều là con của bà Đ và ông C.

Đối với cháu Ly Thị G, sinh ngày 01/01/2000 và cháu Ly A M, sinh ngày 08/3/2003, hiện đã đủ 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh bình thường nên Tòa án không giải quyết. Đối với cháu Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012, hiện cháu Sơn đang sinh sống với bà Đ.

Xét điều kiện nuôi con của bà Đ: Bà Đ làm nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), có thu nhập đủ để nuôi con, có chỗ ở ổn định và trong quá trình

chăm sóc, nuôi con bà Đ không vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, quyền lợi của con chung được bảo đảm.

Xét điều kiện nuôi con của ông C: Ông C đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Lào Cai, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi ông C bị bắt đến nay con chung là cháu Sơn do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bà Đ không có vi phạm gì về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con, việc này phù hợp với xác nhận của chính quyền địa phương nơi cháu Sơn sinh sống (BL 56). Để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Sơn và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Sơn, cần giao cháu Sơn cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi cho cháu Sơn.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản: Bà Đ, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Và Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Bà Và Thị Đ được ly hôn với ông Ly Pá C.

2. Về con chung: Giao cháu Ly Gi S, sinh ngày 18/3/2012 cho bà Và Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Sơn đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Và Thị Đ.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/9/2023).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Na Ú, huyện Đ;
- Lưu: KT, VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng